

CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>		
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>162.658</b>	<b>150.764</b>
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	136.135	112.924
2. Hàng tồn kho	21.327	35.267
3. Tài sản ngắn hạn khác	1.650	1.354
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>6.675</b>	<b>6.744</b>
1. Tài sản cố định	6.008	6.211
- Nguyên giá	42.424	39.216
- Giá trị hao mòn lũy kế	-36.416	-33.005
2. Tài sản dài hạn khác	667	534
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>169.334</b>	<b>157.508</b>
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>148.788</b>	<b>136.028</b>
1. Nợ ngắn hạn	148.788	136.028
2. Nợ dài hạn	0	0
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.546</b>	<b>21.480</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.296	12.296
2. Quỹ đầu tư phát triển	4.663	3.674
3. Lợi nhuận chưa phân phối	3.587	5.510
<b>III. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>3.027</b>	<b>1.367</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.027	1.367,0
<b>IV. Đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ</b>	<b>14.078</b>	<b>12.300</b>
2. Đóng BHXH, BHYT, BHTN	13.198	11.532
3. Nộp kinh phí công đoàn	880,0	768,8
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>157.508</b>	<b>108.597</b>
<b>B. KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		
1. Tổng doanh thu	281.401	278.995
2. Tổng lãi (+) lỗ (-)	4.528	6.941
Trong đó: Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	-108	297
3. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	3.587	5.510
4. Tổng phải nộp ngân sách trong năm	11.451	15.363
<b>C. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁC</b>		
1. Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu (%)	1,3	2,0

2. Lợi nhuận/ vốn đầu tư của chủ sở hữu (%)	29,17	44,81
3. Tổng nợ phải trả/ vốn của chủ sở hữu (lần)	7,24	6,33
4. Tổng thu nhập	102.295	96.701
5. Số lao động bình quân trong năm	740	726
6. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,5	11,3
7. Xếp loại doanh nghiệp (Dự kiến năm 2025)	A	A

Phủ Thọ, ngày 12 tháng 4 năm 2026



GIÁM ĐỐC

Phạm Xuân Tú